TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2019/HSST
Ngày: 30 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ron: Cán bộ hưu trí
2. Ông Hồ Đắc Toàn: Hiệu trưởng trường THCS Lê Lợi, TP. Quy Nhơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nhã Uyển là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2019/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2019/HSST/QĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T. sinh năm 1966 tại Bình Định; Nơi ĐKNKTT: Tổ 29, khu vực 4, phường T., TP. Q., tỉnh B.; Nơi cư trú: Tổ 27, khu vực 4, phường T., TP. Q., tỉnh B; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn C. và bà Nguyễn Thị D. (đều đã chết); tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 1991, bị Tòa án nhân dân TP. Q. xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; Năm 1993, bị Tòa án nhân dân TP. Q. xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; Năm 1996, bị Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; Năm 1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh B. xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân"; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- Bị hại:

Anh Lê Thành T. sinh năm 1979; trú tại: Tổ 7, khu vực 7, phường N., TP. Q., tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/01/2019, Nguyễn Đình T. đi bộ đến đường P., phường T., TP. Q., tỉnh B để mua rượu và thuốc lá. Khi đi đến trước số nhà 05 đường P., T. nhìn thấy trong buồng lái xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-150.06 của anh Lê Thành T. đậu phía trước nhà có để 01 túi xách vải dây rút màu xanh, bên trong túi có 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng, 01 ví da màu vàng bên trong có giấy tờ tùy thân, 5.120.000 đồng và 01 bộ quần áo, cửa sổ kính bên ghế phụ không đóng nên T. nảy sinh ý định trộm cắp túi xách trên. T. thò tay qua cửa sổ bên ghế phụ lấy trộm túi xách rồi đem về nhà chị ruột là Nguyễn Thị H. ở tổ 27, khu vực 4, phường T. TP. Q., tỉnh B. Khi đang mở ví kiểm tra thì T. bị người nhà phát hiện, nghi ngờ là tài sản trộm cắp nên đuổi đi. T. mang những tài sản trộm cắp đi đến trước nhà thờ H. thuộc khu vực 5, phường T. TP. Q., tỉnh B bỏ lại túi xách vải màu xanh chứa bộ quần áo trên vỉa hè (hiện không thu hồi được) rồi đem điện thoại di động, ví da bên trong có giấy tờ tùy thân và 5.120.000 đồng đến nhà chị ruột là Nguyễn Thị L. ở 34 Võ Văn D., TP. K., tỉnh K. thì gặp Trần Duy K. (con bà L.) đi làm về. K. nghi ngờ điện thoại di động và ví da trên là tài sản trộm cắp nên đã đem đến giao nộp cho Công an phường D., TP. K.. Quá trình điều tra, T. đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Ngày 03/3/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự TP. Q., tỉnh B kết luận: 01 điện thoại Iphone 6, 16GB của anh Lê Thành T. trị giá 1.733.333 đồng.

Cơ quan CSĐT Công an TP. Q., tỉnh B đã tạm giữ, sau đó trả lại cho anh lê Thành T. số tiền 5.120.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6, 01 ví da màu vàng bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Lê Thành T., giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77D1 -059.67 mang tên Nguyễn Thành L.. Anh T. không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Bản cáo trạng số 91/CT - VKSQN ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn truy tố Nguyễn Đình T. về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Nguyễn Đình T.có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút lấy trộm chiếc túi xách vải dây rút màu xanh, bên trong có 5.120.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6, 01 ví da màu vàng bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Lê Thành T., 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77D1 -059.67 mang tên Nguyễn Thành L. của anh Lê Thành T. để ở buồng lái xe ô tô tải biển kiểm soát 77C. 150.06 đậu trước nhà số 05 đường N. TP. Q., tỉnh B nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Bị cáo có nhân thân xấu nên cần cách ly bị cáo ra

khỏi xã hội một thời gian. Bị cáo khai thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP. Q., tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Q., tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Đình T. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, mặc khác, bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật nên đã lợi dụng sự sơ hở của anh Lê Thành T. trong việc quản lý tài sản, lén lút lấy trộm chiếc túi xách vải dây rút màu xanh, bên trong có 5.120.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6, 01 ví da màu vàng bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Lê Thành T., 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 77D1 -059.67 mang tên Nguyễn Thành L. của anh để ở buồng lái xe ô tô tải biển kiểm soát 77C. 150.06 đậu trước nhà số 05 đường P., TP. Q., tỉnh B. Theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q., tỉnh B thì tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Thành T. là 6.853.333 đồng nên bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương, bị cáo có nhân thân xấu nên cần xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 BLHS, xử bị cáo với mức án có lý, có tình để bị cáo an tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập với cộng đồng.

[3] Bồi thường thiệt hại:

Anh Lê Thành T. đã nhận lại tài sản tiền, điện thoại, các loại giấy tờ để trong túi xách bị bị cáo chiếm đoạt. Chiếc túi xách và bộ quần áo trong túi không thu hồi được nhưng anh không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

[4] Về án phí:

Bị cáo bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T. phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T. 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**